

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn H, xã Tr, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Q, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị L, sinh năm 1969; trú tại: Thôn H, xã Tr, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Th trình bày: Chị và anh Phạm Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2010.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thông nhất với nhau trong mọi việc, anh Đ không quan tâm gì đến vợ con, có tình cảm quá mức với bạn cùng giới tính nên cuộc sống vợ chồng thường va chạm, tranh cãi nhau. Tháng 5 năm 2018 do mâu thuẫn, chị về ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn H, xã Tr, huyện K. Từ đó, hai người không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con là Phạm Hữu C, sinh ngày 20/8/2011 và Phạm Thị Hà M, sinh ngày 20/5/2015, hai cháu đang ở cùng anh Đ. Chị đề nghị, sau khi ly hôn chị nuôi cháu M, anh Đ nuôi cháu C. Hiện chị làm công nhân, thu nhập ổn định hơn 6 triệu đồng/tháng, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho cháu M.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn – anh Đ trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị Th trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th không muốn anh đi làm công việc cắm hoa tại các sự kiện của đình, chùa. Ngoài ra, chị Th còn nghe lời gia đình đẻ về nhà gây sự với anh; mẹ đẻ chị Th còn sang nhà chửi bới, lăng mạ gia đình anh. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị, muốn quay lại đoàn tụ, anh chỉ nhất trí ly hôn khi chị Th đồng ý để anh trực tiếp nuôi cả 2 con, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Hiện anh làm nghề tự do, đi cắm hoa tại các sự kiện của đình, chùa, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng.

Tại lời khai của cháu C: Cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố (anh Đ) sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên Tòa: Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ; giao con Phạm Thị Hà M cho chị nuôi dưỡng; giao con Phạm Hữu C cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đ vắng mặt, song tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh vẫn giữ nguyên quan điểm là chỉ đồng ý ly hôn khi chị Th để anh trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con.

Ngoài ra, chị Th, anh Đ không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự

(BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Phạm Hữu Đ; giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Hà M, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu C. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa song bị đơn là anh Phạm Hữu Đ vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Hữu Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã G, huyện K nơi sinh sống của anh Đ tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hợp pháp.

[3] Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn. Anh Đ trình bày vẫn còn tình cảm, anh chỉ nhất trí ly hôn khi chị Th đồng ý để anh nuôi cả 2 con. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn chị Th và anh Đ đưa ra có khác nhau song cả anh và chị đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tháng 5 năm 2018 chị Th về ở cùng bố mẹ đẻ của chị, từ đó hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Mặt khác, bà Đặng Thị L là mẹ đẻ của chị Th cũng xác định chị Th, anh Đ không thể quay lại chung sống với nhau hạnh phúc được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Điều đó chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh Đ trình bày vẫn còn tình cảm với chị và đưa ra điều kiện chỉ nhất trí ly hôn khi chị đồng ý để anh nuôi cả 2 con là thiếu căn cứ, không phù hợp pháp luật. Từ phân tích trên, để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của chị Th, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th ly hôn anh Đ.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị Th và anh Đ có 02 con là Phạm Hữu C, sinh ngày 20/8/2011 và Phạm Thị Hà M, sinh ngày 20/5/2015, cả hai cháu đang ở cùng anh Đ. Nguyên vọng của chị Th muốn được nuôi cháu M, anh Đ nuôi cháu C; anh Đ muốn được nuôi cả 2 con sau khi ly hôn. HĐXX thấy rằng, cháu C đã đủ 7 tuổi, cháu có nguyện vọng ở với bố (anh Đ) sau khi bố mẹ ly hôn; hiện anh Đ làm lao động tự

do, theo anh trình bày thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng và ở cùng mẹ đẻ; chị Th hiện là công nhân, thu nhập ổn định hơn 6 triệu đồng/tháng và ở cùng bố mẹ đẻ tại xã Tr, huyện K. Như vậy, cả anh Đ, chị Th đều đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và việc nuôi con sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện thực tế, nguyện vọng của các bên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX sẽ giao con Phạm Thị Hà M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phạm Hữu C cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Phạm Hữu Đ.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Thị Hà M, sinh ngày 20/5/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cho anh Phạm Hữu Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Hữu C, sinh ngày 20/8/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị Th, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000596 ngày 17 tháng 7 năm 2018.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/9/2018; anh Phạm Hữu Đ có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã G, H. K;
- UBND xã Tr, H.K;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân